

# 2011年 辻堂リーグ戦(秋季)対戦表

◆成績順位 : ① 勝点 ② 勝数 ③ 得失点差 ④ 直接対戦勝者

秋 季

実施試合数 = 28

残試合数 = 0

| A リーグ |                        | 明治<br>オリオンズ           | 羽鳥<br>ファイターズ          | 辻堂イースタン<br>ジュニアーズ     | ニーニョス<br>ブラボス          | 辻堂少年<br>野球クラブ         | 高砂<br>エンゼルス           | 辻堂元町<br>ジュニア           | 小糸<br>ファイターズ          | 通算成績        | 得失  | 順位<br>勝点 |
|-------|------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-------------|-----|----------|
| 1     | 明治<br>オリオンズ<br>0       |                       | 10 / 10<br>6 - 3<br>○ | 9 / 23<br>4 - 7<br>●  | 11 / 5<br>1 - 3<br>●   | 11 / 26<br>3 - 2<br>○ | 9 / 11<br>2 - 1<br>○  | 9 / 4<br>11 - 0<br>○   | 8 / 27<br>8 - 0<br>○  | 5 勝 2 敗 0 分 | 19  | 3<br>10  |
| 2     | 羽鳥<br>ファイターズ<br>0      | 10 / 10<br>3 - 6<br>● |                       | 10 / 30<br>0 - 7<br>● | 11 / 6<br>4 - 2<br>○   | 11 / 23<br>3 - 5<br>● | 9 / 4<br>6 - 4<br>○   | 9 / 11<br>5 - 6<br>●   | 10 / 9<br>6 - 1<br>○  | 3 勝 4 敗 0 分 | -4  | 6<br>6   |
| 3     | 辻堂イースタン<br>ジュニアーズ<br>0 | 9 / 23<br>7 - 4<br>○  | 10 / 30<br>7 - 0<br>○ |                       | 10 / 23<br>8 - 4<br>○  | 10 / 2<br>5 - 4<br>○  | 9 / 24<br>0 - 4<br>●  | 11 / 23<br>8 - 3<br>○  | 9 / 19<br>10 - 3<br>○ | 6 勝 1 敗 0 分 | 23  | 1<br>12  |
| 4     | ニーニョス<br>ブラボス<br>0     | 11 / 5<br>3 - 1<br>○  | 11 / 6<br>2 - 4<br>●  | 10 / 23<br>4 - 8<br>● |                        | 9 / 24<br>2 - 3<br>●  | 11 / 26<br>8 - 1<br>○ | 10 / 16<br>10 - 0<br>○ | 9 / 23<br>7 - 1<br>○  | 4 勝 3 敗 0 分 | 18  | 4<br>8   |
| 5     | 辻堂少年<br>野球クラブ<br>0     | 11 / 26<br>2 - 3<br>● | 11 / 23<br>5 - 3<br>○ | 10 / 2<br>4 - 5<br>●  | 9 / 24<br>3 - 2<br>○   |                       | 10 / 30<br>5 - 1<br>○ | 11 / 6<br>9 - 0<br>○   | 9 / 11<br>11 - 1<br>○ | 5 勝 2 敗 0 分 | 24  | 2<br>10  |
| 6     | 高砂<br>エンゼルス<br>0       | 9 / 11<br>1 - 2<br>●  | 9 / 4<br>4 - 6<br>●   | 9 / 24<br>4 - 0<br>○  | 11 / 26<br>1 - 8<br>●  | 10 / 30<br>1 - 5<br>● |                       | 8 / 27<br>13 - 0<br>○  | 11 / 3<br>6 - 0<br>○  | 3 勝 4 敗 0 分 | 9   | 5<br>6   |
| 7     | 辻堂元町<br>ジュニア<br>0      | 9 / 4<br>0 - 11<br>●  | 9 / 11<br>6 - 5<br>○  | 11 / 23<br>3 - 8<br>● | 10 / 16<br>0 - 10<br>● | 11 / 6<br>0 - 9<br>●  | 8 / 27<br>0 - 13<br>● |                        | 11 / 13<br>3 - 9<br>● | 1 勝 6 敗 0 分 | -53 | 8<br>2   |
| 8     | 小糸<br>ファイターズ<br>0      | 8 / 27<br>0 - 8<br>●  | 10 / 9<br>1 - 6<br>●  | 9 / 19<br>3 - 10<br>● | 9 / 23<br>1 - 7<br>●   | 9 / 11<br>1 - 11<br>● | 11 / 3<br>0 - 6<br>●  | 11 / 13<br>9 - 3<br>○  |                       | 1 勝 6 敗 0 分 | -36 | 7<br>2   |